

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2021



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 27

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA

Số 204 đường Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa (Sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2021 và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Nguyên Anh	Chủ tịch	Bổ nhiệm từ ngày 16 tháng 04 năm 2021
Ông Vũ Hải Vĩnh	Chủ tịch	Miễn nhiệm từ ngày 16 tháng 04 năm 2021
Bà Đỗ Thị Thúy Hương	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Yến	Thành viên	
Ông Hà Hữu Quang	Thành viên	
Ông Dương Trung Dũng	Thành viên	

Ban Giám đốc

Ông Hà Hữu Quang	Giám đốc
Ông Lê Thanh Hiền	Phó Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Phước Hiệp	Trưởng ban
Bà Nguyễn Vi Tường Thúy	Thành viên
Bà Lê Thị Phương Dung	Thành viên

Kế toán trưởng

Bà Trần Thị Kiều Oanh

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính, có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA

Số 204 đường Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hằng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Hà Hữu Quang

Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 01 năm 2022

Số: 06 /2022/UHY- BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 18 tháng 01 năm 2022, từ trang 06 đến trang 27, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Minh Long
Phó Tổng Giám đốc

Giấy ĐKHN Kiểm toán số 0666-2018-112-1

Nguyễn Minh Thắng
Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 4421-2020-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 01-DN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		27.726.327.494	22.486.986.059
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	9.070.058.216	7.211.313.076
Tiền	111		5.570.058.216	7.211.313.076
Các khoản tương đương tiền	112		3.500.000.000	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	9.000.000.000	12.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		9.000.000.000	12.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		8.716.088.820	2.542.207.740
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	12.436.993.099	6.145.095.990
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	6.787.402.345	6.912.974.334
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7, 8	(10.508.306.624)	(10.515.862.584)
Hàng tồn kho	140	9	268.273.433	159.889.988
Hàng tồn kho	141		268.273.433	159.889.988
Tài sản ngắn hạn khác	150		671.907.025	573.575.255
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5	58.009.500	55.706.338
Thuế GTGT được khấu trừ	152		96.686.262	32.661.690
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	11	517.211.263	485.207.227
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		28.471.500	208.873.387
Tài sản cố định	220		-	37.280.000
Tài sản cố định hữu hình	221	10	-	37.280.000
- Nguyên giá	222		18.748.383.215	20.385.696.316
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18.748.383.215)	(20.348.416.316)
Tài sản cố định vô hình	227	12	-	-
- Nguyên giá	228		108.436.107	108.436.107
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(108.436.107)	(108.436.107)
Bất động sản đầu tư	230	13	-	-
- Nguyên giá	231		6.211.957.943	6.211.957.943
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(6.211.957.943)	(6.211.957.943)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		510.000.000	510.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(510.000.000)	(510.000.000)
Tài sản dài hạn khác	260		28.471.500	171.593.387
Chi phí trả trước dài hạn	261	5	28.471.500	171.593.387
TỔNG TÀI SẢN	270		27.754.798.994	22.695.859.446

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 01-DN

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		6.685.101.280	3.024.185.150
Nợ ngắn hạn	310		4.666.272.130	948.758.000
Phải trả người bán ngắn hạn	311		3.620.796.130	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	-	-
Phải trả người lao động	314		1.045.476.000	948.758.000
Nợ dài hạn	330		2.018.829.150	2.075.427.150
Phải trả dài hạn khác	337	14	2.018.829.150	2.075.427.150
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		21.069.697.714	19.671.674.296
Vốn chủ sở hữu	410	15	21.069.697.714	19.671.674.296
Vốn góp của chủ sở hữu	411		29.000.000.000	29.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		29.000.000.000	29.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		2.310.399.740	2.310.399.740
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(10.240.702.026)	(11.638.725.444)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(11.638.725.444)	(12.856.441.034)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		1.398.023.418	1.217.715.590
TỔNG NGUỒN VỐN	440		27.754.798.994	22.695.859.446

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 01 năm 2022

Người lập biểu



Trần Thị Kiều Oanh

Kế toán trưởng



Trần Thị Kiều Oanh

Giám đốc



Hà Hữu Quang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mẫu số B 02-DN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	70.603.269.709	48.697.561.285
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		70.603.269.709	48.697.561.285
Giá vốn hàng bán	11	18	58.218.011.592	36.617.033.656
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		12.385.258.117	12.080.527.629
Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	590.081.210	730.358.302
Chi phí tài chính	22	20	72.218.198	47.439.255
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
Chi phí bán hàng	25	21	985.446.954	764.131.988
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	10.387.897.020	10.345.259.146
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.529.777.155	1.654.055.542
Thu nhập khác	31		77.796.428	462
Chi phí khác	32		209.550.165	436.340.414
Lợi nhuận khác	40		(131.753.737)	(436.339.952)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.398.023.418	1.217.715.590
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	23	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.398.023.418	1.217.715.590
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	482	420
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	25	482	420

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 01 năm 2022

Người lập biểu

Trần Thị Kiều Oanh

Kế toán trưởng

Trần Thị Kiều Oanh

Giám đốc



Hà Hữu Quang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mẫu số B 03-DN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		69.624.470.202	50.981.606.982
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2		(41.034.348.248)	(26.185.029.802)
Tiền chi trả cho người lao động	3		(21.686.194.822)	(13.365.168.468)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		2.402.860.496	1.625.024.966
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(10.936.292.505)	(11.220.368.848)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1.629.504.877)	1.836.064.830
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.000.000.000)	(5.500.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		5.000.000.000	5.000.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		468.043.650	597.584.093
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		3.468.043.650	97.584.093
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		1.838.538.773	1.933.648.923
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	7.211.313.076	5.277.675.341
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		20.206.367	(11.188)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	9.070.058.216	7.211.313.076

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 01 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Trần Thị Kiều Oanh

Trần Thị Kiều Oanh

Hà Hữu Quang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Mẫu số B 09-DN

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số 0303207317 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07/02/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 22 tháng 07 năm 2020.

Theo Giấy đăng ký giao dịch cổ phiếu số 88/TTGDHN – ĐKGD của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ngày 19 tháng 12 năm 2006, cổ phiếu của Công ty đã được chấp thuận niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với các nội dung như sau:

- Loại cổ phiếu: Phổ thông;
- Mã chứng khoán: VBH;
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng;
- Số lượng cổ phiếu: 2.900.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá: 29.000.000.000 đồng.

Ngày 29/12/2006, cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch.

Ngày 26/05/2017, cổ phiếu của Công ty bị hủy niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội do kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 03 năm liên tiếp (năm 2014, năm 2015 và năm 2016) của Công ty bị lỗ.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Số 204 đường Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chi nhánh của Công ty được đặt tại Lô 6, Khu công nghiệp Hố Nai, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Tại ngày 31/12/2021, số lượng công nhân viên của Công ty là 181 người (tại ngày 31/12/2020 là 169 người).

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

- Thiết kế, chế tạo, sản xuất, mua bán sản phẩm, thiết bị điện, điện tử, tin học viễn thông (kể cả phần cứng và phần mềm);
- Sản xuất, mua bán máy điều hòa không khí, thiết bị hệ thống lạnh;
- Thiết kế, sản xuất, mua bán các linh kiện, cụm linh kiện, chi tiết cho các thiết bị điện, điện tử, máy điều hòa không khí, hệ thống lạnh;
- Kinh doanh nhà ở, cho thuê căn hộ, văn phòng, kho tàng, nhà xưởng, bến bãi;
- Dịch vụ lắp đặt, bảo trì các thiết bị, hệ thống lạnh, mạng tin học, âm thanh, ánh sáng;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu dân cư.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 là gia công linh kiện, cụm linh kiện điện tử và cho thuê bất động sản.

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty dưới 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập Báo cáo tài chính.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 NGOẠI TỆ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các nghiệp vụ này sẽ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí trong năm tài chính.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá hối đoái tại ngày này, cụ thể như sau:

- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản mục tài sản tiền tệ là tỷ giá mua vào tại thời điểm kết thúc năm tài chính của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch. Các khoản tiền ngoại tệ, ký quỹ gửi ngân hàng được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi công ty mở tài khoản, ký quỹ.
- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản phải trả tiền tệ là tỷ giá bán ra tại thời điểm kết thúc năm tài chính của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.3 NGOẠI TỆ (TIẾP)

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính được bù trừ với lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính. Sau khi bù trừ nếu còn lãi chênh lệch tỷ giá thì tính vào thu nhập khác, nếu lỗ chênh lệch tỷ giá thì tính vào chi phí sản xuất kinh doanh.

3.4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ dự phòng phải thu khó đòi, khi cần thiết được trích lập phù hợp theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

3.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải	06 - 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06

3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình của Công ty là bản quyền hệ điều hành Microsoft.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính của các tài sản cố định cụ thể như sau:

Loại tài sản	Năm
Bản quyền	03

3.9 GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư bao gồm nhà cửa vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.10 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn

Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh

- Công ty liên doanh: là Công ty được thành lập bởi các bên góp vốn liên doanh có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động, là đơn vị có tư cách pháp nhân hạch toán độc lập. Mỗi bên góp vốn liên doanh được hưởng một phần kết quả hoạt động của công ty liên doanh theo thỏa thuận của hợp đồng liên doanh.
- Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hoặc công ty liên doanh (nhà đầu tư nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác)

Thời điểm ghi nhận ban đầu của khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh là thời điểm Công ty đạt được quyền đồng kiểm soát hoặc đạt được quyền biểu quyết ảnh hưởng đáng kể đến bên nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty theo giá gốc (giá mua và các chi phí mua trực tiếp liên quan) trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư. Việc lập dự phòng tổn thất đầu tư căn cứ vào giá trị khoản lỗ lũy kế trên báo cáo tài chính của công ty liên kết, liên doanh và có thể được hoàn nhập khi có lãi. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ tài chính về Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng tại Doanh nghiệp.

3.11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Các khoản chi phí trả trước gồm chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm các chi phí chờ phân bổ, giá trị còn lại của công cụ dụng cụ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định, được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời hạn sử dụng dưới một năm. Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản chi phí chờ phân bổ, giá trị còn lại của những công cụ, dụng cụ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định, được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời hạn sử dụng trên một năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong 03 năm.

3.12 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.13 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua, khách hàng chấp nhận thanh toán và xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch này. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc về khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng năm.

3.14 THUẾ

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực được áp dụng là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.15 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, bên liên quan của Công ty bao gồm: Công ty Cổ phần Tập đoàn Tecco, Tổng Công ty Điện tử Tin học Việt Nam và các công ty trong cùng tập đoàn. Tất cả các giao dịch và số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	431.561.772	280.128.364
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.138.496.444	6.931.184.712
Các khoản tương đương tiền	3.500.000.000	-
	9.070.058.216	7.211.313.076

5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	58.009.500	55.706.338
- Công cụ dụng cụ phân bổ	58.009.500	15.966.670
- Chi phí thuê đất, bảo hiểm và chi phí khác	-	39.739.668
Dài hạn	28.471.500	171.593.387
- Phí lưu trữ tiền miễn, web, chữ ký số và phí bản quyền phần mềm	28.471.500	17.452.556
- Chi phí sửa chữa xường, máy biến thế	-	154.140.831
	86.481.000	227.299.725

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA

Số 204 đường Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn				
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (1)	9.000.000.000	-	12.000.000.000	-
	9.000.000.000	-	12.000.000.000	-
Dài hạn				
Đầu tư vào Công ty liên kết	510.000.000	(510.000.000)	510.000.000	(510.000.000)
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh (2)	510.000.000	(510.000.000)	510.000.000	(510.000.000)
	510.000.000	(510.000.000)	510.000.000	(510.000.000)
	9.510.000.000	(510.000.000)	12.510.000.000	(510.000.000)

(1) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.

(2) Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh hoạt động theo giấy đăng ký kinh doanh số 0302720205 đăng ký lần đầu ngày 11 tháng 9 năm 2002 và thay đổi lần thứ ba ngày 20 tháng 8 năm 2014 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp với hoạt động chính là gia công, sản xuất linh kiện điện tử. Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh chiếm tỷ lệ 30% trên vốn thực góp. Công ty đã xem xét và đánh giá tình hình hoạt động của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh và lập dự phòng 100% cho khoản đầu tư này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA

Số 204 đường Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	12.446.993.099	(3.789.118.106)	6.145.095.990	(3.796.674.066)
- Công ty TNHH Kiến Quang	2.671.677.540	(2.671.677.540)	2.671.677.540	(2.671.677.540)
- Tohozince Co., LTD	2.005.417.442	-	1.830.543.017	-
- Công ty Cổ phần Điện và Điện tử TCL	5.095.443.009	-	-	-
- Công ty Cổ phần Điện tử Thủ đức 1	668.107.020	(668.107.020)	668.107.020	(668.107.020)
- Nexus Electronics SND BHD	261.320.615	-	130.154.684	-
- Doanh nghiệp tư nhân thương mại Ngân Long	97.369.095	(97.369.095)	97.369.095	(97.369.095)
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh	273.131.651	(273.131.651)	273.131.651	(273.131.651)
- Ông Huỳnh Anh Hiệp	78.832.800	(78.832.800)	91.532.800	(86.388.760)
- Các khoản phải thu khách hàng khác	1.295.693.927	-	382.580.183	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	-	-	-	-
	12.446.993.099	(3.789.118.106)	6.145.095.990	(3.796.674.066)
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	273.131.651	(273.131.651)	273.131.651	(273.131.651)
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh	273.131.651	(273.131.651)	273.131.651	(273.131.651)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA

Số 204 đường Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***8. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	6.787.402.345	(6.719.188.518)	6.912.974.334	(6.719.188.518)
- Bảo hiểm xã hội	-	-	1.300.585	-
- Các khoản chi hộ	25.737.827	-	192.485.231	-
- Phải thu khác	6.719.188.518	(6.719.188.518)	6.719.188.518	(6.719.188.518)
+ <i>Doanh nghiệp tư nhân thương mại Ngân Long (1)</i>	2.570.029.600	(2.570.029.600)	2.570.029.600	(2.570.029.600)
+ <i>Công ty TNHH Kiến Quang (1)</i>	2.200.000.000	(2.200.000.000)	2.200.000.000	(2.200.000.000)
+ <i>Công Ty Cổ phần Tập đoàn Tecco (2)</i>	1.949.158.918	(1.949.158.918)	1.949.158.918	(1.949.158.918)
- Các đối tượng khác	42.476.000	-	-	-
Dài hạn	-	-	-	-
Phải thu khác là các bên liên quan	6.787.402.345	(6.719.188.518)	6.912.974.334	(6.719.188.518)
+ Công Ty Cổ phần Tập đoàn Tecco	1.949.158.918	(1.949.158.918)	1.949.158.918	(1.949.158.918)

(1) Các khoản ứng trước cho nhà cung cấp từ các năm 2013 và 2014 nhưng hợp đồng không được thực hiện;

(2) Khoản phải thu Công Ty Cổ phần Tập đoàn Tecco gồm khoản ứng trước 446.500.000 đồng theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 11/HĐNT ngày 9 tháng 12 năm 2008 giữa Công ty và Công Ty Cổ phần Tập đoàn Tecco để thực hiện dự án Cao ốc căn hộ - Thương mại dịch vụ - Văn phòng cho thuê tại 204 Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, tuy nhiên hợp đồng hợp tác đã ngừng triển khai và khoản phải thu lãi chậm trả là 1.502.658.918 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA

Số 204 đường Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***9. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	79.113.854	-	64.373.520	-
Công cụ, dụng cụ	189.159.579	-	95.516.468	-
	268.273.433	-	159.889.988	-

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**NGUYÊN GIÁ**

01/01/2021	16.566.587.624	623.590.755	2.075.327.551	1.120.190.386	20.385.696.316
- Thanh lý, nhượng bán	-	(533.301.715)	(139.175.000)	(964.836.386)	(1.637.313.101)
31/12/2021	16.566.587.624	90.289.040	1.936.152.551	155.354.000	18.748.383.215

HAO MÒN LŨY KẾ

01/01/2021	(16.529.307.624)	(623.590.755)	(2.075.327.551)	(1.120.190.386)	(20.348.416.316)
- Khấu hao trong năm	(37.280.000)	-	-	-	(37.280.000)
- Thanh lý, nhượng bán	-	533.301.715	139.175.000	964.836.386	1.637.313.101
31/12/2021	(16.566.587.624)	(90.289.040)	(1.936.152.551)	(155.354.000)	(18.748.383.215)

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

01/01/2021	37.280.000	-	-	-	37.280.000
31/12/2021	-	-	-	-	-

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là: 18.748.383.215 đồng (tại 31/12/2020 là 20.199.296.316 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA

Số 204 đường Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2021
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	1.020.961.512	1.020.961.512	-
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	3.360.523.582	3.360.523.582	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	907.191.651	907.191.651	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	24.907.568	24.907.568	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	4.334.686.503	4.334.686.503	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	24.535.106	24.535.106	-
	-	9.672.805.922	9.672.805.922	-
	01/01/2021	Số đã nộp trong năm	Số phải nộp trong năm	31/12/2021
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước				
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	4.348.947	-	4.348.947
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	437.879.474	-	-	437.879.474
- Thuế xuất, nhập khẩu	47.327.753	74.982.842	47.327.753	74.982.842
	485.207.227	74.982.842	47.327.753	517.211.263

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là bản quyền hệ điều hành Microsoft đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng số tiền: 108.436.107 đồng.

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư của Công ty là nhà cửa vật kiến trúc đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng số tiền: 6.211.957.943 đồng.

14. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	-	-
Dài hạn	2.018.829.150	2.075.427.150
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.018.829.150	2.075.427.150
	<u>2.018.829.150</u>	<u>2.075.427.150</u>

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

15.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
01/01/2020	29.000.000.000	2.310.399.740	(12.856.441.034)	18.453.958.706
- Lãi trong năm trước	-	-	1.217.715.590	1.217.715.590
31/12/2020	<u>29.000.000.000</u>	<u>2.310.399.740</u>	<u>(11.638.725.444)</u>	<u>19.671.674.296</u>
01/01/2021	29.000.000.000	2.310.399.740	(11.638.725.444)	19.671.674.296
- Lãi trong năm nay	-	-	1.398.023.418	1.398.023.418
31/12/2021	<u>29.000.000.000</u>	<u>2.310.399.740</u>	<u>(10.240.702.026)</u>	<u>21.069.697.714</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

15.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Tổng Công ty điện tử Tin học Việt Nam	14.790.000.000	14.790.000.000
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Tecco	7.911.000.000	7.911.000.000
- Các cổ đông khác	6.299.000.000	6.299.000.000
	29.000.000.000	29.000.000.000

15.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	29.000.000.000	29.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	29.000.000.000	29.000.000.000
- Cổ tức đã chia trong năm	-	-

15.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2021	01/01/2021
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.900.000	2.900.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.900.000	2.900.000
+ Cổ phiếu phổ thông	2.900.000	2.900.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.900.000	2.900.000
+ Cổ phiếu phổ thông	2.900.000	2.900.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

15.5 CÁC QUỸ

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	2.310.399.740	2.310.399.740

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

16. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
Ngoại tệ các loại (USD)	7.637,86	78.271,19
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	30.303.500	30.303.500

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu bán thành phẩm	52.901.244.213	29.620.104.706
Doanh thu bán vật tư	352.206.563	288.912.110
Doanh thu khác	17.349.818.933	18.788.544.469
	<u>70.603.269.709</u>	<u>48.697.561.285</u>

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn bán thành phẩm	53.690.338.927	31.761.737.599
Giá vốn bán vật tư	154.687.998	165.957.419
Giá vốn kinh doanh khác	4.372.984.667	4.689.338.638
	<u>58.218.011.592</u>	<u>36.617.033.656</u>

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	468.043.650	597.584.093
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	122.037.560	132.774.209
	<u>590.081.210</u>	<u>730.358.302</u>

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	72.218.198	47.439.255
	<u>72.218.198</u>	<u>47.439.255</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	10.387.897.020	10.345.259.146
- Chi phí nhân viên quản lý	5.622.721.168	5.837.293.753
- Chi phí đồ dùng văn phòng	418.677.266	553.208.796
- Tiền thuê đất, thuê phí, lệ phí	2.349.758.386	2.210.343.662
- Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	(7.555.960)	18.761.856
- Chi phí thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	192.000.000	145.200.000
- Chi phí bằng tiền khác	1.812.296.160	1.580.451.079
Các khoản chi phí bán hàng	985.446.954	764.131.988
- Chi phí bao bì, công cụ dụng cụ	873.890.986	613.299.102
- Chi phí xuất hàng	97.155.968	139.332.886
- Chi phí bằng tiền khác	14.400.000	11.500.000

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nguyên vật liệu	33.571.126.404	15.250.759.464
Chi phí nhân công	20.532.122.216	18.242.933.586
Khấu hao tài sản cố định	37.280.000	37.280.000
Chi phí dự phòng	(7.555.960)	18.761.856
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.247.593.366	5.030.940.670
Chi phí bằng tiền khác	10.210.789.540	9.145.749.214
	69.591.355.566	47.726.424.790

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

23.1 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.398.023.418	1.217.715.590
Các khoản chi phí không được khấu trừ	243.799.629	288.851.573
- Chi phí không hợp lý	243.799.629	288.851.573
Lỗ tính thuế của các năm trước chuyển sang	1.641.823.047	1.506.567.163
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	-	-
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TIẾP)

23.2 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại tương ứng phần chênh lệch tạm thời được khấu trừ do Công ty đánh giá không chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai theo quyết định của Chuẩn mực kiểm toán số 17 – “Thuế thu nhập doanh nghiệp”, để có thể sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng. Đến thời điểm 31/12/2021, Công ty có các khoản lỗ lũy kế có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận tính thuế phát sinh trong tương lai như sau:

Năm phát sinh	Năm hết hiệu lực chuyển lỗ	Số lỗ chuyển sang	Số lỗ đã sử dụng đến 31/12/2021	Số lỗ chưa sử dụng đến 31/12/2021
2016	2021	(6.527.294.344)	1.641.823.047	-
				VND
				-

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2021	Năm 2020
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	1.398.023.418	1.217.715.590
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	2.900.000	2.900.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	482	420

25. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Ban Giám đốc Công ty đánh giá trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu pha loãng giá trị cổ phiếu. Do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

26. THÔNG TIN KHÁC

26.1 GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của ban Giám đốc

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	665.419.020	693.055.000

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải thu khách hàng bên liên quan		
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh	273.131.651	273.131.651
Phải thu khác là bên liên quan		
- Công Ty Cổ phần Tập đoàn Tecco	1.949.158.918	1.949.158.918

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

26. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

26.2 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 01 năm 2022

Người lập biểu



Trần Thị Kiều Oanh

Kê toán trưởng



Trần Thị Kiều Oanh

Giám đốc



M.S.D.N: 0303207317 - C.T.C.P
CÔNG TY
CỔ PHẦN
ĐIỆN TỬ
BÌNH HÒA
QUẬN BÌNH THẠNH - T.P HỒ CHÍ MINH

Hà Hữu Quang